

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-32

10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32

100
CÔNG
CỔ
ĐIỆN
CƠ
THÔNG
NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Điện cơ Thống Nhất. Công ty chính thức chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 09 năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100449, đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Công Đoàn	Chủ tịch
Ông Vũ Hải	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2019)
Ông Vũ Đức Tiến	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2019)
Ông Nguyễn Thành Quang	Ủy viên
Ông Mai Xuân Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Nghị	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Đình Đông	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2019)
Ông Bùi Huy Chiến	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 03 năm 2019 và miễn nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2019)
Ông Lê Văn Hoài	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2019 và miễn nhiệm ngày 20 tháng 03 năm 2019)
Ông Vũ Hải	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2019)
Ông Nguyễn Thành Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Minh Huyền	Trưởng ban
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Đình Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất được lập ngày 31 tháng 03 năm 2020, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ theo báo cáo số 891/VN1A-HN-BC ngày 29 tháng 03 năm 2019 các nội dung sau:

- Công ty thực hiện trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm với số tiền 20,3 tỷ đồng và kiểm toán viên không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về việc xác định tỷ lệ (%) dự phòng bảo hành sản phẩm;
- Công ty thực hiện dự phòng trợ cấp thôi việc với số tiền 18,17 tỷ đồng vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2018 mà không thực hiện điều chỉnh hồi tố vào các năm trước.

Các vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán của chúng tôi về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty do Công ty thực hiện trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm theo mức tối đa 5% tổng doanh thu tiêu thụ trong kỳ theo các quy định pháp lý hiện hành được phép trích lập và Công ty trích dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm 2018 căn cứ vào kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp của Công ty trong năm 2018.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2018-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		650.132.993.924	489.479.847.669
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	26.518.353.029	4.440.302.071
111	1. Tiền		26.518.353.029	4.440.302.071
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	70.008.900.000	70.008.900.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		70.008.900.000	70.008.900.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		140.388.096.756	20.151.245.292
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		-	43.546.216
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		106.972.302	237.846.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	139.283.173.594	19.869.853.076
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý		997.950.860	-
140	IV. Hàng tồn kho	6	402.463.398.721	389.212.811.292
141	1. Hàng tồn kho		402.463.398.721	389.212.811.292
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.754.245.418	5.666.589.014
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	69.086.449	162.070.713
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.685.158.969	5.504.518.301
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		72.721.612.214	87.432.083.878
220	II. Tài sản cố định		38.364.769.219	52.177.619.450
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	38.364.769.219	52.177.619.450
222	- Nguyên giá		205.583.177.648	204.537.144.335
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(167.218.408.429)	(152.359.524.885)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		34.356.842.995	35.254.464.428
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	34.356.842.995	35.254.464.428
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		722.854.606.138	576.911.931.547

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		469.842.830.851	340.981.259.812
310	I. Nợ ngắn hạn		469.842.830.851	340.981.259.812
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	9	74.187.290.246	50.004.222.954
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10	32.111.792.729	12.117.133.564
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	5.829.949.467	16.565.336.816
314	4. Phải trả người lao động		12.633.503.823	18.442.950.971
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	450.784.979	191.303.065
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	8.393.107.363	340.852.825
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	273.983.392.658	181.877.411.932
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	15	57.471.800.067	58.578.488.329
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		4.781.209.519	2.863.559.356
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		253.011.775.287	235.930.671.735
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	253.011.775.287	235.930.671.735
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		143.000.000.000	143.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		143.000.000.000	143.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		335.210.030	335.210.030
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		109.676.565.257	92.595.461.705
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		39.912.750.526	9.350.858.079
421b	LNST chưa phân phối năm nay		69.763.814.731	83.244.603.626
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		722.854.606.138	576.911.931.547


Phạm Thị Kim Ngân
Người lập

Nguyễn Hữu Quyết
Kế toán trưởngVũ Đình Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.056.693.359.121	904.794.948.847
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.056.693.359.121	904.794.948.847
11	4. Giá vốn hàng bán	19	899.313.988.600	723.421.657.413
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		157.379.370.521	181.373.291.434
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	8.074.997.809	2.095.463.029
22	7. Chi phí tài chính	21	12.394.351.352	7.457.617.355
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		12.146.081.426	7.457.617.355
25	8. Chi phí bán hàng	22	31.165.329.363	29.239.111.329
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	34.862.197.674	44.570.438.101
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		87.032.489.941	102.201.587.678
31	11. Thu nhập khác	24	995.327.243	7.381.965.609
32	12. Chi phí khác	25	472.351.836	511.448.284
40	13. Lợi nhuận khác		522.975.407	6.870.517.325
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		87.555.465.348	109.072.105.003
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	17.791.650.617	25.827.501.377
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>69.763.814.731</u>	<u>83.244.603.626</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	4.879	5.821



Phạm Thị Kim Ngân
Người lập



Nguyễn Hữu Quyết
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Năm 2019

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.075.568.571.342	919.091.167.869
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(742.190.713.959)	(598.535.013.108)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(158.847.748.057)	(129.664.938.600)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(12.044.202.512)	(7.266.314.290)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(28.327.501.377)	(10.399.081.314)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		301.420.967.077	379.275.249.630
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(469.697.384.737)	(430.285.899.589)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(34.118.012.223)	122.215.170.598
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.046.033.313)	(110.000.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(266.000.000.000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		266.000.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.028.715.401	2.082.086.533
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.982.682.088	1.972.086.533
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		790.211.053.466	314.598.375.964
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(698.105.072.740)	(384.163.626.058)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(42.892.210.000)	(57.188.600.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		49.213.770.726	(126.753.850.094)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		22.078.440.591	(2.566.592.963)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.440.302.071	7.000.725.738
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(389.633)	6.169.296
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	26.518.353.029	4.440.302.071


Phạm Thị Kim Ngân
Người lập

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020


Nguyễn Hữu Quyết
Kế toán trưởng

Vũ Đình Đông
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện cơ Thống Nhất được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Điện cơ Thống Nhất. Công ty chính thức chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 09 năm 2015 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100449, đăng ký thay đổi gần nhất là lần thứ 11 ngày 21 tháng 11 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 143.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 143.000.000.000 đồng; tương đương 14.300.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và tiêu thụ quạt điện các loại.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có một chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Công ty Cổ phần Điện cơ Thống nhất - Chi nhánh Hà Nam có địa chỉ tại Lô B6+B7 Khu Công nghiệp Đồng Văn II, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Chi nhánh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100100449-001 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 22 tháng 11 năm 2019. Hoạt động sản xuất chính của Chi nhánh là sản xuất quạt điện.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

010
CÔ
C
ĐI
TH
DANG

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành sản phẩm được Công ty trích lập theo tỷ lệ 5% doanh thu cho các sản phẩm đã bán và tỷ lệ thời gian bảo hành còn lại trên tổng thời gian bảo hành là 12 tháng.

Công ty bắt đầu trích dự phòng trợ cấp thôi việc từ năm 2018 dựa trên kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp của Công ty do theo quy định Nhà Nước Công ty sẽ phải di dời các nhà máy sản xuất ra khỏi nội đô nên phát sinh sự thay đổi lao động, công nhân viên thôi việc và không thể chuyển đổi công việc. Mức trích lập căn cứ theo quy định của Bộ Luật lao động.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

T
ÁI
C
NH

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

2.24 . Thông tin bộ phận

Trong năm, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế tạo các loại quạt điện và tất cả các hoạt động đều diễn ra trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khác ngoài hoạt động sản xuất quạt điện của Công ty đều chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt	396.534.108	711.577.457
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.121.818.921	3.728.724.614
	<u><u>26.518.353.029</u></u>	<u><u>4.440.302.071</u></u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh phản ánh khoản đầu tư mua 1.857.000 cổ phần chiếm tỷ lệ lợi ích 8,64% của Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà, với mục đích nắm giữ chờ để bán.

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản chứng khoán kinh doanh tại ngày 01/01/2019 và 31/12/2019 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

1100
CÔ
CỔ
ĐI
TH
DANG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

5 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	182.000.000	-	187.000.000	-
Phải thu về ủy thác đầu tư (1)	137.902.853.076	-	19.682.853.076	-
Thuế TNCN của người lao động	1.198.320.518	-	-	-
	139.283.173.594	-	19.869.853.076	-

(1) Khoản phải thu liên quan đến hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân cụ thể như sau:

-Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Nhà đầu tư có giá trị 19.682.853.076 đồng, nhà đầu tư đã hoàn tất việc mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải khát Việt Hà”

- Các hợp đồng đặt cọc tìm kiếm cơ hội đầu tư với các nhà đầu tư với tổng giá trị theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng là 150.000.000.000 đồng. Đến thời điểm 31/03/2020, Công ty đã thanh lý các hợp đồng hợp tác đầu tư và thu hồi khoản phải thu này.

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	87.913.454.002	-	29.920.024.797	-
Công cụ, dụng cụ	768.107.449	-	913.437.463	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	89.954.692.993	-	175.274.251.474	-
Thành phẩm	223.827.144.277	-	183.105.097.558	-
	402.463.398.721	-	389.212.811.292	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

7 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
Số dư đầu năm	96.934.879.453	101.833.648.218	4.848.451.718	920.164.946	204.537.144.335				
- Mua trong năm	-	-	290.909.091	34.000.000	324.909.091				
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	463.197.476	-	-	-	463.197.476				
- Tặng khác (*)	257.926.746	-	-	-	257.926.746				
Số dư cuối năm	97.656.003.675	101.833.648.218	5.139.360.809	954.164.946	205.583.177.648				
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	63.982.842.789	84.182.043.330	3.702.365.641	492.273.125	152.359.524.885				
- Khấu hao trong năm	9.838.356.859	4.434.203.505	488.654.393	97.668.787	14.858.883.544				
Số dư cuối năm	73.821.199.648	88.616.246.835	4.191.020.034	589.941.912	167.218.408.429				
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu năm	32.952.036.664	17.651.604.888	1.146.086.077	427.891.821	52.177.619.450				
Tại ngày cuối năm	23.834.804.027	13.217.401.383	948.340.775	364.223.034	38.364.769.219				

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 72.534.478.642 đồng.

(*) Khoản điều chỉnh tăng do chênh lệch giá trị vốn nhà nước tăng thêm tại thời điểm xác định theo CV548/STCTCDN ngày 22/01/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	69.086.449	162.070.713
	69.086.449	162.070.713
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng Văn (*)	33.313.609.883	34.225.518.736
Công cụ dụng cụ xuất dùng	687.593.532	413.384.576
Chi phí trả trước dài hạn khác	355.639.580	615.561.116
	34.356.842.995	35.254.464.428

(*) Thông tin chi tiết về hợp đồng thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng Văn được trình bày tại thuyết minh số 17 - "Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động".

9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Ánh Dương	7.550.162.620	7.550.162.620	12.575.712.160	12.575.712.160
- Công ty TNHH Sản Xuất Thương mại & Xuất nhập khẩu Lụa Tuyết	11.497.768.557	11.497.768.557	3.028.385.250	3.028.385.250
- PING XIANG SHI DA ZHI	9.354.027.232	9.354.027.232	4.115.311.200	4.115.311.200
- Phải trả các đối tượng khác	45.785.331.837	45.785.331.837	30.284.814.344	30.284.814.344
	74.187.290.246	74.187.290.246	50.004.222.954	50.004.222.954

10 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trung tâm kinh doanh Thanh Trì - Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Tràng thi	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	-	8.000.000.000
Các đối tượng khác	17.111.792.729	4.117.133.564
	32.111.792.729	12.117.133.564

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	39.692.444.159	39.692.444.159	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	533.183.202	533.183.202	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	16.321.120.204	17.791.650.617	28.327.501.377	-	5.785.269.444
Thuế Thu nhập cá nhân	-	244.216.612	2.631.332.676	2.830.869.265	-	44.680.023
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	3.828.369.604	3.828.369.604	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	16.565.336.816	64.480.980.258	75.216.367.607	-	5.829.949.467

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	293.181.979	191.303.065
- Chi phí phải trả khác	157.603.000	-
	<u>450.784.979</u>	<u>191.303.065</u>

13 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Tài sản thừa chờ giải quyết (*)	7.912.310.271	-
- Kinh phí công đoàn	310.492.000	281.779.000
- Bảo hiểm xã hội	15.814.232	41.571.825
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	19.190.000	11.400.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	135.300.860	6.102.000
	<u>8.393.107.363</u>	<u>340.852.825</u>

(*) Khoản tài sản thừa chờ giải quyết căn cứ kết quả kiểm kê tại thời điểm 31/12/2019, công ty đang trong quá trình rà soát nguyên nhân chênh lệch để trình HĐQT ban hành quyết định xử lý chênh lệch.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THÔNG NHẤT

Số 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

14 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2019		Trong năm		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội (1)	80.666.550.978	80.666.550.978	376.667.413.453	358.052.831.310	99.281.133.121	99.281.133.121
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Hà Nội	8.550.410.753	8.550.410.753	86.697.927.945	95.248.338.698	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hà Nội (2)	23.809.276.748	23.809.276.748	73.227.291.706	37.069.907.188	59.966.661.266	59.966.661.266
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (3)	68.851.173.453	68.851.173.453	253.618.420.362	207.733.995.544	114.735.598.271	114.735.598.271
	181.877.411.932	181.877.411.932	790.211.053.466	698.105.072.740	273.983.392.658	273.983.392.658

100
CÔ
CÔ
ĐI
THÔ
HANG

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2018/147030/HĐTD ngày 13/12/2018, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Xác định trên từng hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 99.281.133.121 đồng;
 - + Tài sản đảm bảo: Nhà xưởng lắp ráp và kho thành phẩm xây dựng tại trụ sở công ty, dây chuyền đồng bộ sản xuất ROTO -STATO, tiền gửi tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản phải thu từ hợp đồng kinh tế, các nguồn thu hợp pháp khác;
- (2) Hợp đồng tín dụng số 41454.19.051.2988221.TD ngày 15/10/2019, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Không quá 6 tháng đối với từng khoản vay theo giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 59.966.661.266 đồng;
 - + Tài sản đảm bảo: Tiền - Thẻ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi - Giấy tờ có giá và tài sản khác.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 01/2019/HĐCTD/VCBHN-ĐCTN ngày 26/11/2019, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 148.300.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Không quá 6 tháng đối với từng khoản vay theo giấy nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 114.735.598.271 đồng;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Các biện pháp đảm bảo hoặc hợp đồng đảm bảo được quy định cụ thể tại từng Hợp đồng Cấp tín dụng.

15 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa (1)	23.731.403.780	20.378.223.445
- Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp (2)	18.132.217.370	18.176.756.620
- Dự phòng quỹ tiền lương (3)	15.608.178.917	20.023.508.264
	<u>57.471.800.067</u>	<u>58.578.488.329</u>

- (1) Căn cứ theo điều khoản về bảo hành sản phẩm 12 tháng tại hợp đồng bán hàng và tài liệu đánh giá nội bộ của Công ty. Dự phòng bảo hành sản phẩm được Công ty trích lập theo tỷ lệ 5% doanh thu cho các sản phẩm đã bán và tỷ lệ thời gian bảo hành còn lại trên tổng thời gian bảo hành là 12 tháng.
- (2) Số dư dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp là số liệu tính toán tiền trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động tại Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo quy định của Luật lao động căn cứ theo chủ trương tái cơ cấu doanh nghiệp của Công ty.
- (3) Công ty thực hiện trích lập dự phòng tiền lương với tỷ lệ 13% theo Nghị quyết Hội đồng quản trị năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	143.000.000.000	335.210.030	74.556.975.559	217.892.185.589
Lãi trong năm trước	-	-	83.244.603.626	83.244.603.626
Phân phối lợi nhuận	-	-	(65.206.117.480)	(65.206.117.480)
Số dư cuối năm trước	143.000.000.000	335.210.030	92.595.461.705	235.930.671.735
Số dư đầu năm nay	143.000.000.000	335.210.030	92.595.461.705	235.930.671.735
Lãi trong năm nay	-	-	69.763.814.731	69.763.814.731
Phân phối lợi nhuận	-	-	(52.705.539.179)	(52.705.539.179)
Tăng khác (*)	-	-	22.828.000	22.828.000
Số dư cuối năm nay	143.000.000.000	335.210.030	109.676.565.257	253.011.775.287

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 232/NQ-ĐHĐCĐ- ĐCTN ngày 28 tháng 06 năm 2019, Đại hội đồng Cổ đông Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Số tiền VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8.324.460.363
Trích thưởng ban điều hành	998.935.244
Trích quỹ thưởng Hội đồng quản trị và ban kiểm soát	482.143.572
Chi trả cổ tức	42.900.000.000

(*) Hoàn trả lại lợi nhuận sau thuế phần chi thưởng ban điều hành năm 2018 chi không hết.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Bảo hiểm Hàng không	24,24%	34.662.000.000	19,24%	27.512.000.000
Công ty Bảo hiểm Sài Gòn- Hà Nội	20,98%	30.000.000.000	20,98%	30.000.000.000
Các cổ đông khác	54,78%	78.338.000.000	59,78%	85.488.000.000
	100%	143.000.000.000	100%	143.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	143.000.000.000	143.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	143.000.000.000	143.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	143.000.000.000	143.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	11.400.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	42.900.000.000	57.200.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(42.892.210.000)	(57.188.600.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(42.892.210.000)	(57.188.600.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	19.190.000	11.400.000
17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG		
a) Cam kết thuê hoạt động		
Công ty ký kết hợp đồng thuê đất số 28/2010/HDKT-HN ngày 13 tháng 09 năm 2010 với Công ty Cổ phần Phát triển Hà Nam diện tích 49.971 m ² tại thửa đất số 50, tờ bản đồ số 03, Khu công nghiệp Đồng Văn II, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam với mục đích sử dụng đất khu công nghiệp. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 18 tháng 10 năm 2056 với phương thức thuê đất trả tiền một lần.		
b) Ngoại tệ các loại		
	31/12/2019	01/01/2019
- Đồng đô la Mỹ (USD)	21.563,24	11.328,04
18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	1.056.693.359.121	904.794.948.847
	1.056.693.359.121	904.794.948.847
19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	899.313.988.600	723.421.657.413
	899.313.988.600	723.421.657.413
20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5.752.495.401	2.082.086.533
Lãi đặt cọc hợp tác đầu tư với các cá nhân	1.533.420.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	742.800.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	46.223.363	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	59.045	13.376.496
	8.074.997.809	2.095.463.029

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

21 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Lãi tiền vay	12.146.081.426	7.457.617.355
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	247.821.248	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	448.678	-
	<u>12.394.351.352</u>	<u>7.457.617.355</u>

22 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	243.825.404	31.759.471
Chi phí nhân công	7.726.027.688	8.228.247.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	841.340.668	312.783.709
Chi phí khác bằng tiền	19.000.955.268	288.097.347
Chi phí bảo hành	3.353.180.335	20.378.223.445
	<u>31.165.329.363</u>	<u>29.239.111.329</u>

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.243.615.439	824.396.800
Chi phí nhân công	25.678.182.942	31.314.988.168
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.658.025.238	2.672.726.298
Thuế, phí, lệ phí	218.236.448	1.960.803.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.012.007.000	1.981.414.279
Chi phí khác bằng tiền	3.052.130.607	5.816.109.023
	<u>34.862.197.674</u>	<u>44.570.438.101</u>

24 . THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Tiền phạt thu được	100.453.618	84.982.433
Xử lý chênh lệch thừa kiểm kê	863.073.625	7.244.186.255
Thanh lý, nhượng bán công cụ, dụng cụ	-	363.636
Thu nhập khác	31.800.000	52.433.285
	<u>995.327.243</u>	<u>7.381.965.609</u>

25 . CHI PHÍ KHÁC

	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
	VND	VND
Các khoản bị phạt	472.351.836	431.122.193
Thanh lý, nhượng bán công cụ, dụng cụ	-	80.326.091
	<u>472.351.836</u>	<u>511.448.284</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	87.555.465.348	109.072.105.003
Các khoản điều chỉnh tăng	2.145.587.739	20.065.401.881
- Chi phí không hợp lệ	2.145.587.739	20.065.401.881
Các khoản điều chỉnh giảm	(742.800.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(742.800.000)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	88.958.253.087	129.137.506.884
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	17.791.650.617	25.827.501.377
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	16.321.120.204	892.700.141
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(28.327.501.377)	(10.399.081.314)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	5.785.269.444	16.321.120.204

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	69.763.814.731	83.244.603.626
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	69.763.814.731	83.244.603.626
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	14.300.000	14.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.879	5.821

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	687.696.897.796	555.507.549.155
Chi phí nhân công	167.344.696.725	174.997.304.709
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.858.883.544	19.019.835.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.811.170.355	29.857.259.289
Chi phí khác bằng tiền	28.032.355.455	9.739.389.618
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	920.744.003.875	789.121.337.843



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trong đương tiền	26.518.353.029	-	4.440.302.071	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	139.283.173.594	-	19.913.399.292	-
	165.801.526.623	-	24.353.701.363	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	273.983.392.658	181.877.411.932
Phải trả người bán, phải trả khác	82.580.397.609	50.345.075.779
Chi phí phải trả	450.784.979	191.303.065
	357.014.575.246	232.413.790.776

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu ủy thác đầu tư, phải thu khác) và phải thu hoạt động tài chính (bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.518.353.029	-	-	26.518.353.029
Phải thu khách hàng, phải thu khác	139.283.173.594	-	-	139.283.173.594
	<u>165.801.526.623</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>165.801.526.623</u>
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.440.302.071	-	-	4.440.302.071
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.913.399.292	-	-	19.913.399.292
	<u>24.353.701.363</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>24.353.701.363</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Tương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	273.983.392.658	-	-	273.983.392.658
Phải trả người bán, phải trả khác	82.580.397.609	-	-	82.580.397.609
Chi phí phải trả	450.784.979	-	-	450.784.979
	<u>357.014.575.246</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>357.014.575.246</u>

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	181.877.411.932	-	-	181.877.411.932
Phải trả người bán, phải trả khác	50.345.075.779	-	-	50.345.075.779
Chi phí phải trả	191.303.065	-	-	191.303.065
	<u>232.413.790.776</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>232.413.790.776</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

044
 T Y
 I AN
 C O
 N H A
 I - T . P

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ THỐNG NHẤTSố 164, Phố Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trương Mai,
Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2019	Năm 2018
		VND	VND
Gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 03 tháng và đã tất toán trong năm		328.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (1)		328.000.000.000	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn		1.393.917.822	4.923.599
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (1)		1.393.917.822	4.923.599

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2019	01/01/2019
		VND	VND
Tiền gửi ngân hàng		18.304.888.307	134.840.211
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (1)		18.304.888.307	134.840.211

(1) Ông Phạm Công Đoàn - Chủ tịch HĐQT Công ty là thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	668.362.000	920.079.000
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị	4.131.776.824	3.337.666.000

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ

Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(430.285.899.589)	(431.982.219.589)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(57.188.600.000)	(55.492.280.000)



Phạm Thị Kim Ngân
Người lập



Nguyễn Hữu Quyết
Kế toán trưởng



Vũ Đình Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020